TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk).

(Đơn vị tính tiền: đồng)

Số TT	Cơ quan, đơn vị phụ trách thu Quỹ:	Chỉ tiêu thu năm 2020	Kế hoạch truy thu Quỹ tồn năm 2019 (Đồng)	Ghi chú
I	**UBND các huyện, thành phố, thị xã** (Thu từ CB, CNVC trong cơ quan cấp huyện, cấp xã và người lao động khác trong địa bàn cấp huyện quản lý)	**11 371 716 000**	**1 392 464 000**	
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	2 068 402 000		
2	Thị xã Buôn Hồ	707 202 000	184 249 000	
3	Huyện Buôn Đôn	420 963 000	98 851 000	
4	Huyện Krông Ana	607 161 000		
5	Huyện Ea H'Leo	977 814 000		
6	Huyện Ea Súp	443 436 000	129 289 000	
7	Huyện Cư M'Gar	833 652 000		
8	Huyện Krông Buk	434 744 000		
9	Huyện Krông Năng	903 668 000	57 157 000	
10	Huyện Krông Pắc	761 841 000		
11	Huyện Ea Kar	1 035 639 000	408 922 000	
12	Huyện Krông Bông	546 297 000	21 253 000	
13	Huyện Ma D'Răc	403 599 000	316 936 000	
14	Huyện Lăk	409 362 000	8 523 000	
15	Huyện Cư Kuin	817 936 000	167 284 000	
II	**Ngành Thuế** (Thu từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh)	**25 887 051 000**	**16 632 163 000**	
1	**Văn phòng Cục Thuế tỉnh Đắk Lắk**	**11 953 056 000**	**5 573 324 000**	
1.1	Phòng Thanh tra - Kiểm tra 1	6 184 560 000		
1.2	Phòng Thanh tra - Kiểm tra 2	3 504 092 000		
1.3	Phòng Thanh tra - Kiểm tra 3	2 264 404 000		
2	**Chi cục Thuế thành phố Buôn Ma Thuột**	**8 333 468 000**	**8 016 356 000**	
3	**Chi cục Thuế khu vực Ea Hleo - Krông Búk**	**238 230 000**	**449 532 000**	
3.1	Huyện EaH'Leo	142 074 000	42 482 000	
3.2	Huyện Krông Búk	96 156 000	407 050 000	
4	**Chi cục Thuế khu vực Lắk - Krông Bông**	**457 574 000**	**215 584 000**	
4.1	Huyện Krông Bông	314 884 000	164 705 000	
4.2	Huyện Lắk	142 690 000	50 879 000	
5	**Chi cục Thuế huyện Krông Pắc**	**700 343 000**	**429 933 000**	
6	**Chi cục Thuế khu vực EaKar - M'Đrắk**	**1 598 935 000**	**115 295 000**	
6.1	Huyện Ea Kar	1 085 782 000		
6.2	Huyện M'Đrắk	513 153 000	115 295 000	

7	**Chi cục Thuế khu vực Buôn Hồ - Krông Năng**	**883 094 000**	**725 192 000**	
7.1	Thị xã Buôn Hồ	343 009 000	384 785 000	
7.2	Huyện Krông Năng	540 085 000	340 407 000	
8	**Chi cục Thuế huyện Ea Súp**	**265 449 000**		
9	**Chi cục Thuế khu vực Krông Ana - Cư Kuin**	**629 221 000**	**636 658 000**	
9.1	Huyện Krông Ana	254 072 000	**251 337 000**	
9.2	Huyện Cư Kuin	375 149 000	385 321 000	
10	**Chi cục Thuế khu vực Cư Mgar - Buôn Đôn**	**827 681 000**	**470 289 000**	
III	**Ban Chỉ huy Phòng Chống thiên tai và TKCN tỉnh (Sở Nông nghiệp và PTNT - Cơ quan thường trực)** (Thu từ các cơ quan cấp tỉnh; cơ quan Trung Ương đóng trên địa bàn; lực lượng vũ trang và ANQP)	**4 580 788 000**	**449 104 000**	
Tổng kế hoạch thu toàn tỉnh		**41 839 555 000**	**18 473 731 000**	